

Số: 633/PGDDĐT – TH

Củ Chi, ngày 15 tháng 4 năm 2025

V/v tổng kết, đánh giá việc triển khai
đổi mới chương trình, sách giáo khoa
giáo dục phổ thông

Kính gửi:

- Hiệu trưởng trường tiểu học;
- Hiệu trưởng Trường TH-THCS Tân Trung;
- Hiệu trưởng trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật.

Thực hiện Công văn số 1817/SGDDĐT-GDPT ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Tổng kết, đánh giá việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện hướng dẫn các trường tiểu học (TH), Trường TH – THCS Tân Trung, Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật tổ chức đánh giá việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 như sau:

1. Mục đích, yêu cầu:

- Đánh giá việc triển khai đổi mới chương trình (CT), sách giáo khoa (SGK) giáo dục phổ thông (GDPT) từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025, chỉ rõ những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và các giải pháp triển khai thực hiện CT, SGK.

- Việc đánh giá phải đảm bảo khách quan, khoa học, phản ánh đúng thực trạng và đề xuất các giải pháp thực hiện khả thi, đạt hiệu quả.

2. Nội dung

- Hiệu trưởng các trường trường tiểu học (TH), Trường TH – THCS Tân Trung, Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật tổ chức đánh giá, tổng kết việc triển khai đổi mới CT, SGK GDPT đối với tất cả các khối lớp, tất cả các môn học và hoạt động giáo dục trong giai đoạn từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.

- Xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá việc triển khai đổi mới CT, SGK giáo dục phổ thông (các Phụ lục đính kèm, các đơn vị không thay đổi số hàng, số cột, định dạng của các Phụ lục báo cáo) và báo cáo về Phòng GDĐT trước ngày 08/5/2025.

Đồng thời, thực hiện cập nhật số liệu trên hệ thống quản lý thiết bị dạy học; cập nhật số liệu trên hệ thống <https://csdl.hcm.edu.vn/> về kết quả rèn luyện phẩm chất của học sinh, kết quả học tập của học sinh năm học 2024-2025 (theo CV số 631/PGDDĐT-CM ngày 15/4/2025).

Nhận được công văn này, Phòng GDĐT đề nghị hiệu trưởng các trường triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ với Phòng Giáo dục - Đào tạo (bộ phận phụ trách tiểu học: bà Nguyễn Thị Thanh Bình) để được hỗ trợ. 

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lưu: TH, VT, NTTBinh.
- 

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Huỳnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1817 /SGDĐT-GDPT
Về tổng kết, đánh giá việc triển khai
đổi mới chương trình, sách giáo khoa
giáo dục phổ thông

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2025

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức và các quận, huyện;
- Hiệu trưởng các trường Trung học phổ thông (THPT) và các trường phổ thông nhiều cấp học (có cấp THPT).

Thực hiện công văn số 1406/BGDĐT-GDPT ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổng kết, đánh giá việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn các Phòng GDĐT; các trường THPT và các trường phổ thông nhiều cấp học (có cấp THPT) chỉ đạo, tổ chức đánh giá việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa (CT, SGK) từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

- Đánh giá việc triển khai đổi mới CT, SGK giáo dục phổ thông từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025, chỉ rõ những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và các giải pháp triển khai thực hiện CT, SGK.
- Việc đánh giá phải đảm bảo khách quan, khoa học, phản ánh đúng thực trạng và đề xuất các giải pháp thực hiện khả thi, đạt hiệu quả.

2. Nội dung

- Phòng GDĐT chỉ đạo các trường tiểu học và trung học cơ sở; hiệu trưởng các trường THPT và các trường phổ thông nhiều cấp học (có cấp THPT) tổ chức tổng kết, đánh giá việc triển khai đổi mới CT, SGK giáo dục phổ thông đối với tất cả các khối lớp, tất cả các môn học và hoạt động giáo dục trong giai đoạn từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.

- Xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá việc triển khai đổi mới CT, SGK giáo dục phổ thông (các Phụ lục đính kèm, các đơn vị không thay đổi số hàng, số cột, định dạng của các Phụ lục báo cáo) và báo cáo Sở GDĐT (qua Phòng Giáo dục Phổ thông) trước ngày 15/5/2025.

- Đồng thời, thực hiện cập nhật số liệu trên hệ thống quản lý thiết bị dạy học; cập nhật số liệu trên hệ thống <https://csdl.hcm.edu.vn/> về kết quả rèn luyện phẩm chất của học sinh, kết quả học tập của học sinh năm học 2024-2025; cập nhật số liệu trên hệ thống <https://quanly.hcm.edu.vn/> về việc tổ chức dạy học các môn học lựa chọn và cụm chuyên đề học tập trong 03 năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 đối với các trường có cấp trung học phổ thông (mục Hoạt động đơn vị/Tổ chức hoạt động dạy học), về danh mục sách giáo khoa được lựa chọn và sử dụng tại đơn vị đối với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông (mục Hoạt động đơn vị/Sách giáo khoa).

Nhận được công văn này, Sở GDĐT đề nghị các Phòng GDĐT và hiệu trưởng các trường THPT và các trường phổ thông nhiều cấp học (có cấp THPT) triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ với Phòng Giáo dục Phổ thông (cấp tiểu học: bà Trịnh Cam Ly; cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông: bà Trần Thị Kim Phụng) để được hỗ trợ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, GDPT (Ly; Phụng).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÒNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bảo Quốc

UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

Cử Chi, ngày tháng năm 2025

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH,
SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Bối cảnh và yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông

2. Đặc điểm, tình hình giáo dục và đào tạo (khái quát đặc điểm nổi bật về địa giới, tổ chức hành chính, quy mô trường lớp, tổng số học sinh; đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục).

3. Nhận xét chung về sự biến động về số lớp, số giáo viên, học sinh theo từ năm học 2020-2021 đến hết năm học 2024-2025.

4. Thuận lợi, khó khăn: (về kinh tế, chính trị, xã hội; giáo dục và đào tạo, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục).

II. NỘI DUNG

1. Công tác chỉ đạo

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đổi mới CT, SGK của trường (thống kê đầy đủ các văn bản).

TT	Nội dung	Tên và số văn bản, ngày
1		
2		
3		
4		
5		

Bảng 1. Bảng thống kê các văn bản

- Công tác tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý về CT, SGK:

- Công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, SGK, tài liệu giáo dục địa phương:

- Công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai tại đơn vị:

- Đánh giá chung:

+ Ưu điểm:

+ Tồn tại:

2. Về đội ngũ giáo viên

- Công tác tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên (*thống kê số lượng giáo viên theo từng cấp học, môn học, thừa, thiếu*).

TT	Cấp học	Môn học	Hiện có	Nhu cầu	Thừa	Thiếu
	Tiểu học					
1		GV cơ bản				
2		Ngoại ngữ				
3		Tin học				
4		Nghệ thuật				
		<i>Âm nhạc</i>				
		<i>Mĩ thuật</i>				
5		GDTC				
		Cộng				
	THCS					
1		Toán				
2		Khoa học tự nhiên				
		<i>Vật lí</i>				
		<i>Hóa học</i>				
		<i>Sinh học</i>				

TT	Cấp học	Môn học	Hiện có	Nhu cầu	Thừa	Thiếu
3		Tin học				
4		Công nghệ				
		<i>Công nghiệp</i>				
		<i>Nông nghiệp</i>				
5		Ngữ văn				
6		Lịch sử và Địa lí				
		<i>Lịch sử</i>				
		<i>Địa lí</i>				
7		GDCD				
8		Nghệ thuật				
		<i>Âm nhạc</i>				
		<i>Mĩ thuật</i>				
9		GDTC				
10		Ngoại ngữ				
11		Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp				
12		Nội dung GDĐP				
		Cộng				
	THPT					
1		Toán				
2		Vật lí				
3		Hóa học				
4		Sinh học				
5		Tin học				
6		Công nghệ				
7		Ngữ văn				
8		Lịch sử				
9		Địa lí				
10		Giáo dục kinh tế và pháp luật				
11		GDTC				



TT	Cấp học	Môn học	Hiện có	Nhu cầu	Thừa	Thiếu
12		GDQP&AN				
13		Mĩ thuật				
14		Âm nhạc				
15		Ngoại ngữ				
16		Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp				
17		Nội dung GDĐP				
		Cộng				
		Tổng cộng				

* Đối với môn tích hợp thống kê riêng giáo viên được đào tạo cả môn học và giáo viên theo từng phân môn

Bảng 2. Bảng thống kê số lượng giáo viên theo từng cấp học, môn học

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên:
- Sự chủ động, sáng tạo của giáo viên trong việc thực hiện CT, SGK:
- Đánh giá chung:
- + Ưu điểm:
- + Tồn tại:

3. Về cơ sở vật chất

- Đánh giá tình hình cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trường trước khi triển khai CT, SGK mới:
- Kết quả đạt được về đầu tư, nâng cấp CSVC, thiết bị dạy học theo yêu cầu mới:

STT	Các hạng mục công	Số lượng		Nhu cầu	Nhu cầu
		Năm 2019	Năm 2025		

	trình	Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Nhờ, mượn tạm	Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Nhờ, mượn tạm	đầu tư bổ sung	kinh phí
a	b	c=d+e+g	d	e	g	h=i+k+l	i	k	l	m	n
1	Khối phòng học tập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Phòng học tiểu học										
1.1	Phòng học trung học cơ sở										
1.1	Phòng học trung học phổ thông										
1.2	Phòng học bộ môn cấp tiểu học										
1.3	Phòng học bộ môn cấp trung học cơ sở										
1.4	Phòng học bộ môn cấp trung học phổ thông										
2	Khối phòng hỗ trợ học tập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Thư viện cấp tiểu học										
2.1	Thư viện cấp trung học cơ sở										
2.1	Thư viện cấp trung học phổ thông										

Bảng 3. Bảng thống kê về cơ sở vật chất

STT	Thiết bị	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dạy học (%)		Nhu cầu mua sắm bổ sung TBDH	
		Năm 2019	Năm 2025	Số lượng	Giá dự toán (triệu đồng)
1	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học	0.00%	0.00%	0	0
2	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở	0.00%	0.00%		
3	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học phổ thông	0.00%	0.00%		
4	Hệ thống bàn ghế học sinh	0.00%	0.00%		
5	Thiết bị dạy học ngoại ngữ	0.00%	0.00%		
6	Thiết bị dạy học tin học	0.00%	0.00%		

Bảng 4. Bảng thống kê về thiết bị dạy học

- Đánh giá chung:

+ Ưu điểm:

+ Tồn tại:

4. Về kinh phí

- Các văn bản tạo hành lang pháp lý cho việc bố trí, thanh quyết toán kinh phí thực hiện đổi mới CT, SGK.

- Về kinh phí: Đánh giá tình hình bố trí kinh phí cho đơn vị năm 2019, giai đoạn 2020-2025; năm 2025; đánh giá kết quả đáp ứng của các nguồn kinh phí so với nhu cầu thực tế. Trong đó đánh giá khả năng cân đối của các nguồn NSNN so với nhu cầu thực tế của đơn vị.

- Trách nhiệm của đơn vị trong việc bố trí kinh phí thực hiện đổi mới CT, SGK.

- Kết quả đạt được, khó khăn trong bố trí kinh phí và thực hiện giải ngân thanh quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện đổi mới CT, SGK.

Đơn vị: Tỷ đồng

S T T	Nội dung/ Nhiệ	Năm 2019											
		Chi thường xuyên						Chi đầu tư					
		Tổng	Ngân	Ngân	Vốn	Vốn	Nguồn	Tổng	Ngân	Ngân	Vốn	Vốn	Nguồn

S T T	Nội dung/ Nhiệ m vụ chỉ	Năm 2025											
		Chi thường xuyên						Chi đầu tư					
		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Vốn Viện trợ	Vốn vay nợ	Nguồn n xã hội hóa	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Vốn Việ n trợ	Vốn vay nợ	Nguồn xã hội hóa
A	Tổng nhu cầu												
	GD Tiểu học												
	GD THCS												
	GD THPT												
B	Tổng kinh phí bố trí												
	GD Tiểu học												
	GD THCS												
	GD THPT												
C	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu (B/A) %												
	GD Tiểu học												
	GD THCS												
	GD THPT												



S T T	Nội dung/ Nhiệ m vụ chỉ	Giai đoạn 2020-2025											
		Chi thường xuyên						Chi đầu tư					
		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Vốn Viện trợ	Vốn vay nợ	Nguồn xã hội hóa	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Vốn Việ n trợ	Vốn vay nợ	Nguồn xã hội hóa
A	Tổng nhu cầu												
	GD Tiểu học												
	GD THCS												
	GD THPT												
B	Tổng kinh phí bố trí												
	GD Tiểu học												
	GD THCS												
	GD THPT												
C	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu (B/A) %												
	GD Tiểu học												
	GD THCS												
	GD THPT												

Bảng 5. Bảng thống kê về kinh phí

- Đánh giá chung:

+ Ưu điểm:

+ Tồn tại:

5. Về CT, SGK, tài liệu giáo dục địa phương

- Nhận xét, đánh giá về CT, SGK của từng môn học và hoạt động giáo dục; chỉ rõ ưu điểm, hạn chế, các giải pháp thực hiện và đề xuất.

- Về tài liệu giáo dục địa phương

...

- Đánh giá chung

+ Ưu điểm

+ Tồn tại

6. Về tổ chức thực hiện dạy học tại cơ sở giáo dục

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục

- Đổi mới phương pháp giáo dục

- Đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh

- Hỗ trợ giáo viên

- Kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm triển khai sau từng năm học.

- Đánh giá chung

+ Ưu điểm

+ Tồn tại

7. Về xã hội hóa giáo dục, công tác truyền thông

8. Kết quả đạt được

a) Đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông

- Kết quả rèn luyện phẩm chất của học sinh

+ Kết quả đạt được

Năm học	Khối lớp	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
2021-2022	Lớp 6				
2022-2023	Lớp 6				
	Lớp 7				
	Lớp 10				

Năm học	Khối lớp	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
2023-2024	Lớp 6				
	Lớp 7				
	Lớp 8				
	Lớp 10				
	Lớp 11				
2024-2025	Lớp 6				
	Lớp 7				
	Lớp 8				
	Lớp 9				
	Lớp 10				
	Lớp 11				
	Lớp 12				

Bảng 6. Bảng thống kê kết quả rèn luyện phẩm chất của học sinh

+ Đánh giá về việc thực hiện rèn luyện phẩm chất của học sinh, so sánh với giai đoạn trước:

- Kết quả học tập của học sinh

+ Kết quả đạt được:

Năm học	Khối lớp	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
2021-2022	Lớp 6				
2022-2023	Lớp 6				
	Lớp 7				
	Lớp 10				
2023-2024	Lớp 6				
	Lớp 7				
	Lớp 8				
	Lớp 10				
	Lớp 11				
2024-2025	Lớp 6				
	Lớp 7				
	Lớp 8				
	Lớp 9				
	Lớp 10				
	Lớp 11				
	Lớp 12				

Bảng 7. Bảng thống kê kết quả học tập của học sinh trung học

+ So sánh về kết quả học tập của học sinh với giai đoạn trước:

b) Đối với cấp tiểu học

- Kết quả giáo dục

Năm học	Khối lớp	Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
2020-2021	Lớp 1				
2021-2022	Lớp 1				
	Lớp 2				
2022-2023	Lớp 1				
	Lớp 2				
	Lớp 3				
2023-2024	Lớp 1				
	Lớp 2				
	Lớp 3				
	Lớp 4				
2024-2025	Lớp 1				
	Lớp 2				
	Lớp 3				
	Lớp 4				
	Lớp 5				

Bảng 8. Bảng thống kê chất lượng giáo dục của học sinh tiểu học.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm
2. Hạn chế
3. Nguyên nhân và giải pháp
4. Bài học kinh nghiệm

IV. ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TIẾP THEO

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (thông qua Phòng GDĐT);
- Lưu: VT, CM.

HIỆU TRƯỞNG

.....

Bảng 1. Bảng thống kê các văn bản

TT	Cấp ban hành	Nội dung	Tên và số văn bản
	UBND ...		
	Phòng GDĐT ...		
	Trường ...		

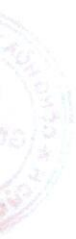
Bảng 2. Bảng thống kê số lượng giáo viên theo từng cấp học, môn học

TT	Cấp học	Môn học	Hiện có	Nhu cầu	Thừa	Thiếu
	Tiểu học					
1		GV cơ bản				
2		Ngoại ngữ				
3		Tin học				
4		Nghệ thuật				
		<i>Âm nhạc</i>				
		<i>Mĩ thuật</i>				
5		GDTC				
		Cộng				
	THCS					
1		Toán				
2		Khoa học tự nhiên				
		<i>Vật lí</i>				
		<i>Hóa học</i>				
		<i>Sinh học</i>				
3		Tin học				
4		Công nghệ				
		<i>Công nghiệp</i>				
		<i>Nông nghiệp</i>				
5		Ngữ văn				
6		Lịch sử và Địa lí				
		<i>Lịch sử</i>				
		<i>Địa lí</i>				
7		GDCD				
8		Nghệ thuật				
		<i>Âm nhạc</i>				
		<i>Mĩ thuật</i>				
9		GDTC				
10		Ngoại ngữ				
11		Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp				
12		Nội dung GDĐP				
		Cộng				
	THPT					
1		Toán				
2		Vật lí				
3		Hóa học				
4		Sinh học				
5		Tin học				
6		Công nghệ				
7		Ngữ văn				
8		Lịch sử				
9		Địa lí				
10		Giáo dục kinh tế và pháp luật				
11		GDTC				
12		GDQP&AN				
13		Mĩ thuật				
14		Âm nhạc				



15		Ngoại ngữ				
16		Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp				
17		Nội dung GDĐP				
		Cộng				
		Tổng cộng				

Đối với môn tích hợp thống kê riêng giáo viên được đào tạo cả môn học và giáo viên theo từng phân môn



Bảng 4. THỐNG KÊ THIẾT BỊ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2019-2025

STT	Thiết bị	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dạy học (%)		Nhu cầu mua sắm		
		Năm 2019	Năm 2025	bổ sung TBDH		Giá dự toán (triệu đồng)
				Số lượng		
1	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học	0.00%	0.00%	0		0
2	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở	0.00%	0.00%			
3	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học phổ thông	0.00%	0.00%			
4	Hệ thống bàn ghế học sinh	0.00%	0.00%			
5	Thiết bị dạy học ngoại ngữ	0.00%	0.00%			
6	Thiết bị dạy học tin học	0.00%	0.00%			

Bảng 8. Bảng thống kê chất lượng giáo dục của học sinh tiểu học

Năm học	Khối lớp	Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
2020-2021	Lớp 1				
2021-2022	Lớp 1				
	Lớp 2				
2022-2023	Lớp 1				
	Lớp 2				
	Lớp 3				
2023-2024	Lớp 1				
	Lớp 2				
	Lớp 3				
	Lớp 4				
2024-2025	Lớp 1				
	Lớp 2				
	Lớp 3				
	Lớp 4				
	Lớp 5				